





















CHÚ GIẢI BẢN ĐỒ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỶ LỆ 1:100.000

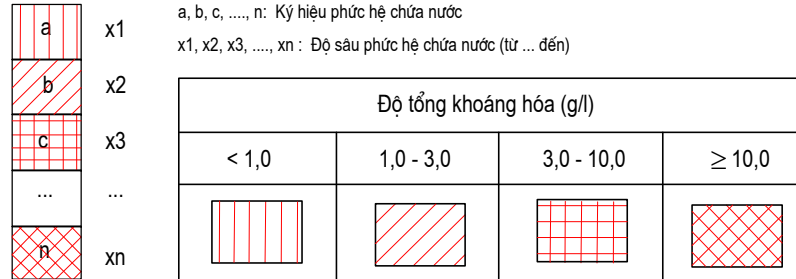
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

I- CHẤT LƯỢNG NƯỚC CHO CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

I.1- Độ tổng khoáng hóa và mục đích sử dụng

Phức hệ chứa nước thứ nhất	Diện tích phân bố (km ²)	Bề dày trung bình (m)	Độ tổng khoáng hóa (g/l)			
			< 1,0	1,0 - 3,0	3,0 - 10,0	≥ 10,0
Phức hệ chứa nước lỗ hổng tuổi Holocen (qh)	50	30				
Phức hệ chứa nước khe nứt bazan tuổi Neogen - Pleistocen (Bn-qp)	240	40				
Phức hệ chứa nước lỗ hổng tuổi Pleistocen (qp)	100	30				
Phức hệ chứa nước lỗ hổng tuổi Pliocen giữa (n ₂ ²)	250	20				
Phức hệ chứa nước khe nứt tuổi Mesozoi (ms)	350	80				
Mục tiêu sử dụng			Mọi mục đích: ăn uống, sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, du lịch...	Tưới cây, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản nước lợ, cây trồng ưa nước lợ	Nuôi trồng thủy sản nước lợ, cây trồng ưa nước lợ gia súc có sừng	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, cây trồng ưa nước mặn

Độ tổng khoáng hóa tại vị trí đại diện



1.2- Dấu hiệu ô nhiễm nước dưới đất



Các chỉ tiêu nguyên tố vi lượng và hợp chất nitơ vượt QCVN09:2008/BTNMT
 (a, b, ... : Ký hiệu nguyên tố hoặc hợp chất;
 n- ký hiệu phức hệ chứa nước có dấu hiệu ô nhiễm)

II- THÀNH PHẦN HÓA HỌC TẠI ĐIỂM KHẢO SÁT

Anion				Cation				
Lỗ khoan	Giếng đào	Nguồn lộ chảy lên	Nguồn lộ chảy xuống	Lỗ khoan	Giếng đào	Nguồn lộ chảy lên	Nguồn lộ chảy xuống	
								Na ⁺
								Mg ²⁺
								Ca ²⁺
								Hỗn hợp

III- CÁC KÝ HIỆU VÀ RANH GIỚI

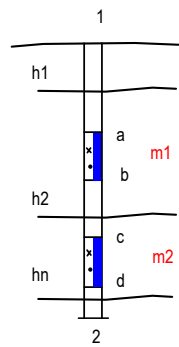
III.1- Các ký hiệu

Các điểm khảo sát		
1-2	○	} 1- Số hiệu 2- Ký hiệu tầng chứa nước 3- Độ tổng khoáng hóa (g/l)
3	○	
1-2	□	
3	□	
1-2	○ ↗	
3	○ ↗	
1-2	○ ↘	
3	○ ↘	
Các vị trí có khả năng gây ô nhiễm		
◆	Bãi chất thải rắn	
⊕	Nghĩa trang	
●	Khu giết mổ gia súc tập trung	
🐄	Trang trại chăn nuôi quy mô lớn	
Đứt gãy kiến tạo		
	Chứa nước	
	Dự báo chứa nước	
	Không xác định điều kiện chứa nước	
	Lớp cách nước hoặc thể địa chất không chứa nước	

III.2- Các đường ranh giới

	Ranh giới phức hệ chứa nước thứ nhất
	Ranh giới phức hệ chứa nước bị phủ (Hướng nét vạch quay về diện phân bố của phức hệ chứa nước)
...	
	Ranh giới mặn 1g/l (Hướng nét vạch quay về vùng mặn)
...	
	a. b- Ký hiệu phức hệ chứa nước
	Ranh giới phức hệ chứa nước trên mặt cắt
	Ranh giới vùng có độ tổng khoáng hóa khác nhau
	Ranh giới địa chất trên mặt cắt

IV- KÝ HIỆU TRÊN MẶT CẮT

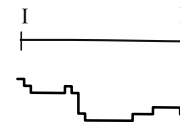


Lỗ khoan trên mặt cắt

- 1- Số hiệu
- 2- Chiều sâu (m)
- h1, h2, ...hn : Chiều sâu tầng hoặc lớp (m)
- a, b, c, d : Chiều sâu đặt ống lọc (m)
- m1, m2: Độ tổng khoáng hóa (g/l)

Khoảng cách LK (km)	1,59	1,20
Cao độ miệng LK (m)	3,60	
CÔNG THỨC KURLOV	$M_{0,04} \frac{Cl_{51} HCO^3_{33} SO^4_{16} pH_{6,5}}{Mg_{51} Ca_{26} (Na+K)_{22}}$	

V- CÁC KÝ HIỆU KHÁC



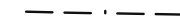
Tuyến mặt cắt và số hiệu



Ranh giới lưu vực sông



Địa giới huyện



Địa giới tỉnh



Đường nhựa



Đường rải gạch đá



Sông, suối và tên



Điểm độ cao và ghi chú độ cao (m)